

“VŨ TRUNG TÙY BÚT” CỦA PHẠM ĐÌNH HỔ - QUÁ TRÌNH THÀNH SÁCH VÀ ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI

Lê Thời Tân

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết nêu quan điểm cho rằng Vũ trung tùy bút là một văn tập tập hợp các thiên tản văn viết rải rác đây đó tản mạn qua năm tháng để sau cùng được “kết tập” lại dưới một nhan đề chung nhằm tới việc khắc in thành “sách”. TKết tập thành sách này có tính cách là một tập “tùy bút” gồm trong nó cả ba yếu tố thuật kể, nghị luận thuyết minh và trữ tình biểu cảm. Chính điều này làm nên đặc sắc thể loại cho tác phẩm này.

Từ khóa: kết tập, tùy bút, thuật kể, nghị luận, biểu cảm

Nhận bài ngày 10.5.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.6.2023

Liên hệ tác giả: Lê Thời Tân; Email: lttan@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Tác giả *Vũ trung tùy bút* [1] (雨中隨筆) Phạm Đình Hồ (范廷琥1768-1839), tự Tùng Niên, quê làng Đan Loan (tên Nôm làng Đốc) huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Nhân Quyền huyện Cẩm Bình tỉnh Hải Dương).¹ Phạm Đình Hồ lớn lên giữa buổi xã hội ba đào, non sông gập ghềnh qua liên hồi. Khi đất nước nhất thống dưới triều Nguyễn thì ông đã qua tuổi hoa niên. Giờ đây ta khó lòng khảo cứu cho được *Tang thương*

¹ Lưu truyền giai thoại Chiêu Hồ và Hồ Xuân Hương xướng họa thơ Nôm. Các nhà nghiên cứu vẫn đang tranh cãi về việc cậu Chiêu Hồ có phải là Phạm Đình Hồ hay không. Chẳng hạn, Nguyễn Triệu Luật, Văn Tân, Trần Thanh Mai... theo thuyết cho rằng Chiêu Hồ chính là Phạm Đình Hồ. “Hồ” chữ Hán chỉ hổ phách (琥魄 amber) hóa thạch của nhựa cây họ tùng bách vùi dưới lòng đất, sắc vàng sẫm, trong suốt, hương thơm, có thể làm thuốc hay vật trang sức. Chắc vì thế mà Phạm Đình Hồ lấy tên chữ là “Tùng Niên” (松年) và “Bình Trục” (秉直). Tên chữ “Bình Trục” rất có thể cũng là một ảnh xạ tính cách con người. Chiều chỉ ngày 16 tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) khen ông: “Văn học vượt trội, tính tình ngay thẳng, không xu phụ quyền trọng, thật đáng khen. Thăng chức Hàn lâm viện Thừa chỉ, tước Bình Phong Bá” [3]. Dĩ nhiên đây chỉ là vài nét sơ lược tiểu sử tác giả *Vũ trung tùy bút*. Các thông tin tiểu sử Phạm Đình Hồ thực tế được chất lọc từ chính tác phẩm của ông, gia phả dòng họ Phạm (cụ thể: *Đường An Đan Loan Phạm gia thế phả* - 唐安丹鑾范家世譜, bản chép tay lưu tại Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm số hiệu VHV.1353), các cuốn sử (chẳng hạn *Đại Nam chính biên liệt truyện* - 大南列傳正編) và các tài liệu thành văn hiện có. Rõ ràng soạn tiểu sử đó cũng là một cách tự sự về một nhân vật từng xuất hiện giữa lịch sử-nhân quần (*Short Biography - a historical account or biography written from personal knowledge or special sources*). Xoay quanh việc này còn có những cách nói khác như *sơ lược cuộc đời thân thế sự nghiệp* hay *lược truyện*, không ngại kể thêm *tự thuật*. Tác giả *Vũ trung Tùy bút* chẳng phải là cũng đã thuật chuyện bản thân thành thiên tự truyện (*autobiographical*) để đầu tập sách? Đó là một sự trần thuật từ ngôi nhân xưng thứ nhất, trong đó tuyến tính của dòng thời gian sự kiện đã bị xáo trộn, trái ngược với cách soạn *niên biểu* hay *niên phổ*.

ngẫu lục) [2] (桑滄偶錄, đồng tác giả với Kính Phủ Nguyễn Án (敬甫阮案)² cùng *Vũ trung tùy bút* khởi bút lúc nào, nhưng điều chắc chắn chúng là sản phẩm của những năm tháng gió mưa dâu bể nhất trong đời tác giả cũng như của quê hương đất nước - giai đoạn mà sử gọi là thời kỳ “Lê mặt Nguyễn sơ” (cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX). Ngày nay văn tập của tiền nhân đã được dịch in thành sách. Độc giả phổ thông nói chung có thể đã đọc ấn phẩm bìa đề *Vũ trung tùy bút* với cảm giác tác phẩm đã được viết ra như cách một nhà văn hiện đại viết sách để xuất bản nhưng nhà nghiên cứu thì cần phải để tâm “quan sát” lại bản lai sự thể viết lách của tác giả đương thời. Cũng vậy, độc giả phổ thông có thể nhận nhầm hai chữ “tùy bút” trong nhan đề cuốn sách là thuật ngữ thể loại văn xuôi nhưng nhà nghiên cứu thì luôn nhớ “tùy bút” như là tên gọi một thể loại đó là sản phẩm của lý luận văn học ngày nay và Phạm Đình Hồ cùng Nguyễn Án không dùng hai chữ đó như một từ với nội hàm nghĩa như thuật ngữ ngày nay. Dĩ nhiên trong số 90 thiên của tác phẩm này không phải không có những thiên tùy bút nhưng hai chữ “tùy bút” đề bìa văn tập chủ yếu gọi nên cái tư thái cầm bút của người danh sĩ. Chính tư thái này đưa lại văn tập này những đặc điểm thể loại riêng. Bài viết này là một cố gắng phân tích lại *Vũ trung tùy bút* từ góc nhìn này.

2. NỘI DUNG

2.1. Tư thái trước tác hay là quá trình thành sách của *Vũ trung tùy bút*

Vũ trung tùy bút văn bản sách gốc nay không còn, chỉ còn lại những tập tạm gọi là *truyền bản*. Tất nhiên trong tình hình như thế ta không còn có thể nói đến “nguyên văn”, “nguyên cáo” hay “nguyên tác” tác phẩm này được nữa. Hiện các bản chép tay tác phẩm *Vũ trung tùy bút* đang được bảo tồn tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam. Viện Nghiên cứu Hán Nôm có ba bản chép tay: hai bản sau đời Tự Đức, một bản sao năm 1941 (năm thứ sáu đời Bảo Đại). Bản này sao lại từ bản gọi là “bản gốc” có trước cả hai bản sao nói trên. Thư viện Quốc gia Việt Nam có bản sao năm 1906 (năm thứ 18 đời Thành Thái). Dịch giả Nguyễn Hữu Tiến dịch và công bố bản dịch trên Tạp chí *Nam Phong* (1927-1928). Bản dịch *Vũ trung tùy bút* từ Hán văn ra Việt văn của ông về sau được Nhà xuất bản Văn học xuất bản năm 1972. Hiện tại Đài Loan và Trung Quốc cũng đều đã xuất bản *Vũ trung tùy bút* bản Hán văn [4], [5].

Như ta biết Phạm Đình Hồ cũng là đồng tác giả *Tang thương ngẫu lục*. “Vũ Trung” và “Tang Thương” là những ý tượng phản ánh cảm quan nhân thế của người cầm bút. Đây là những hình tượng nhuốm đẫm màu sắc trữ tình thi ca. Chỉ cần so sánh với - chẳng hạn, nhan đề *Công dư tiếp ký* (公餘捷記 *ghi nhanh lúc rỗi việc quan*, tác phẩm của danh nho Vũ Phương Đề 武芳提 1697 - ?³) mà Phạm Đình Hồ có đề cập trong *Vũ trung tùy bút*) là đủ thấy vấn đề. Có thể nói, cả hai hình ảnh “Trong Mưa” và “Nuông dâu Bãi bể” đều dễ dàng gợi hứng cho các họa sĩ nếu họ có ý định vẽ tranh bìa cho sách của các tác giả. Những hình ảnh đó quả gợi lên một sắc điệu tinh thần chung cho cả tập sách, chúng như đang trải rộng làm nền tâm tưởng cho những thuật kể, khảo luận trong các thiên các bài giữa mỗi cuốn sách. Trong lúc đó, nửa sau nhan đề - “Tùy Bút” và “Ngẫu Lục” lại gợi lên một tư thái viết lách. Cái tư thái cầm bút trước án thư

² Cừ nhân Nguyễn Án (1770 - 1815) tự Kính Phủ. Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án cùng dự khoa thi năm 1807 đời vua Gia Long. Phạm Đình Hồ nhà ở phường Hà Khẩu (Hàng Buồm), Nguyễn Án nhà ở phường Báo Thiên, gần Hồ Hoàn Kiếm (*Tang thương Ngẫu lục* có thiên *Hồ Hoàn Kiếm* của Nguyễn Án).

³ Văn bìa đề danh Tiến sĩ khoa thi Bình Thìn niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). Ông là người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương, làm quan trải đến chức Đốc đồng Hải Dương.

bên song cửa sổ hay dưới ngọn đèn khuya nơi thư phòng. Nói tóm lại, ở đây *tùy-bút* ở đây cũng là *mạn - lục*. Còn “vũ trung” - trong mưa ấy là một ẩn dụ. Nếu “tùy bút” cho ta thấy một tư thái viết lách thì “vũ trung” phác họa một hoàn cảnh cầm bút. Hai chữ “tùy bút” dùng làm nhan đề sách trong văn học cổ Trung Hoa thấy - chẳng hạn ở sách *Dung Trai tùy bút* (容齋隨筆) của tác giả Hồng Mại (洪邁 1123 - 1202) đời Tống hoặc *Tùy Viên tùy bút* (隨園隨筆) của Viên Mai (袁枚 1716 - 1797) đời Thanh. Đời Thanh cũng thấy có cuốn *Đặng hạ ngẫu lục* (Dưới đèn ngòi chép chuyện). Trong nhan đề hai cuốn sách trước, các từ *Dung Trai* hay *Tùy Viên* vốn chỉ nhà, chỉ vườn được dùng đại diện cho chủ nhân. Đó là điểm khác với cách dùng những hình ảnh “Vũ Trung” và “Tang Thương” trong nhan đề sách của hai tác gia Việt Nam vừa kể.⁴

Đọc *Vũ trung tùy bút* ta thấy không ít chỗ nhắc đến *Tang thương ngẫu lục*. Thiên thứ 35 *Phép thi nghiêm mật*⁵ khi thuật chuyện Đào Duy Từ (陶維慈 1572 - 1634) thấy có câu “*Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ dẫu tài giỏi, văn chương hay, thi Hội đã trúng cách, chỉ vì là con nhà hát xướng mà phải tước tịch không được đỗ. Chuyện này ta đã nói khá tường ở trong Tang thương Ngẫu lục.*”⁶ hoặc thiên 63 *Bùi Thế Vinh* (裴世榮 1554 - ?): “*Đáng tiên đại phu ta đã chép sự nghiệp ngài vào gia phả, còn đại lược tiểu sử lúc bình sinh, ta cũng đã chép vào sách Tang thương Ngẫu lục* (裴公世榮).”⁷ Hay như thiên kể về Đoàn Thượng (段尚 1181-1228) câu mở đầu: “*Ông vốn là một vị trung thần đời nhà Lý, chuyện đã từng chép ở trong sách Tang thương Ngẫu lục.*” (thiên thứ 35 *Tướng quân Đoàn Thượng* 段將軍尚). Như vậy có thể nói, vào lúc Phạm Đình Hồ viết những thiên rồi sẽ tập hợp lại dưới nhan đề chung *Vũ trung Tùy bút* thì *Tang thương Ngẫu lục* chỉ ít cũng đã thành sách (kết tập). Và ta cũng có thể đoán định rằng vì đã dùng hai chữ “Ngẫu Lục” làm nhan đề nên giờ đây mặc dù có khá nhiều thiên viết với bút pháp và thể thức tương tự như ở *Tang thương Ngẫu lục* nhưng Phạm Đình Hồ lại dùng hai chữ “Tùy Bút” để đề tên cho sách của mình. Kể như khi trước không cùng kết tập chung với các tác phẩm của bạn văn Nguyễn Án làm tập *Tang thương Ngẫu lục* thì chắc ông cũng có thể đã sớm dùng nhan đề “Vũ trung ngẫu lục”. Nếu thế thì giờ đây kết tập 90 thiên mới thành sách nữa chắc ông cũng có thể đặt cho nó nhan đề “Vũ Trung **Tục Bút**” (續筆). “*Vũ trung tùy bút*” diễn nghĩa là “cuốn tùy bút viết trong những ngày mưa” thì “*Vũ trung Tục bút*” lẽ nào lại không gượng “dịch” được thành “nói bút ngày mưa”? Cả “bút” (筆) và “lục” (錄) hay ghép hai chữ thành từ “bút lục” đều có nghĩa chung là viết hay ghi lại (write down, record). Đọc một lượt tác phẩm *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hồ, gập sách ngó lại nhan đề ngoài bìa ta sẽ thấy đây cũng là một tập bút ký ghi chuyện mưa đời gió thế. Và rồi đến lúc mở lại

⁴ Điển cố “tang thương” được dùng từ lúc nào trong văn học Việt Nam là một câu hỏi yêu cầu khảo cứu công phu. Điều dễ thấy là văn nhân Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX quả hay dùng từ này. Tạm dẫn vài ba câu: “*Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt - Nước còn cau mặt với tang thương*” (Thăng Long hoài cổ), “*Lò cừ nung nấu sự đời - Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương*” (Cung oán ngâm khúc). Nguyễn Du “Việt hóa” từ này trong đoạn mở đầu *Truyện Kiều*: *Trải qua một cuộc bể dâu - Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

⁵ “中興間試法甚嚴：倡歌之子不得應舉故祿溪侯陶惟慈雖有高才能文章會試中格以冷官子之故削出中余於桑蒼錄既及之矣” (trang 20 bản chép tay lưu tại Thư viện Quốc Gia, ký hiệu R.1609. NLVNPF - 0300).

⁶ Các đoạn trích đều dẫn từ: Đạm Nguyên dịch, *Tang thương ngẫu lục*, Bộ Quốc gia Giáo dục Xuất bản, Saigon, 1962.

⁷ Nguyên văn: “余先大夫既附錄家譜其平生拔槩余嘗載入桑蒼錄” (bản chép tay lưu tại Thư viện Quốc Gia, ký hiệu R.1609. NLVNPF - 0300).

cuốn mà Phạm Đình Hồ chung bút với bạn văn Nguyễn Án - cuốn *Tang thương ngẫu lục*, ta lại thấy “trong cơn mưa gió” (*Vũ Trung*) ấy cũng là giữa “cuộc bể dâu” (*Tang Thương*). Nói rộng ra, *tùy bút* ngày mưa ấy cũng là *ngẫu lục* chuyện non sông thế cuộc, chuyện kinh lịch đời người. Chẳng qua vì đã từng cùng bạn Nguyễn Án kết tập *Tang thương ngẫu lục* nên giờ đây Phạm Đình Hồ chuyển dùng nhan đề “*Vũ trung tùy bút*” khi gom 90 thiên tản văn của mình thành sách mới.

Thực ra, cũng chẳng có gì là không thể nếu Phạm Đình Hồ đặt nhan đề tác phẩm của mình là “*Vũ trung Ngẫu bút*” hay “*Vũ trung Mạn bút*”. Dùng hai chữ “ngẫu lục” kết hợp với “*vũ trung*” cũng không phải không thành một nhan đề đẹp - “*Vũ trung Ngẫu lục*”. “*Ngẫu Lục*” hay “*Ngẫu Bút*” đều gần nghĩa với “*Mạn Lục*”. Và “*Mạn Bút*” [*casual (informal) literary notes*] cũng gần nghĩa với từ “*Tùy Bút*”. Sách xưa không hiếm cuốn trong nhan đề có dùng hai từ “ngẫu bút” hoặc “mạn bút”. Chữ “*Ngẫu*” dùng trong nhan đề thơ văn thường kết hợp với những chữ như “*tác*”, “*thành*” hoặc chữ “*thu*” hay chữ “*ký*”. “*Ngẫu Tác*”, “*Ngẫu Thành*”, “*Ngẫu Thu*”, “*Ngẫu Ký*” đều thường được dùng làm nhan đề cho những thi phẩm, văn phẩm được viết ra như là kết quả của một cảm ngộ tình cờ, tự nhiên.

Có thể nói, ghi lại một cách ngẫu nhiên và tản mạn - ấy là cái tư thái viết văn của các tác giả Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án. Cũng là cái tài của Vũ Phương Đề khi viết *Công dư tiếp ký* vậy: “... thường ngày thích nói chuyện, nên lúc rảnh việc công, bèn đem những điều nghe được, lại tìm những điều các nhà uyên bác đã ghi được, phàm được gì thì căn cứ vào đấy mà nói thẳng ra, biên góp thành thiên.”⁸ (Lời tựa tác giả đề một ngày lành tháng Ba năm Cảnh Hưng thứ 16 tức 1755, bản dịch của Đoàn Thăng) [6].

2.2. Tính cách thể loại của *Vũ trung tùy bút*

Vũ trung tùy bút gồm 90 thiên (tính cả thiên “*Tự Thuật*” có tính cách như một lời tựa ở đầu sách) văn xuôi Hán văn. Đây dường như là một văn tập tập hợp các thiên/bài tản văn từng viết rải rác đây đó tản mạn qua năm tháng. Và rồi vào một lúc nào đó tác giả của chúng đã quyết định “kết tập” lại dưới một nhan đề chung nhắm tới việc khắc in thành “sách”. Rất có khả năng chính vào lúc đó tác giả thấy cần phải viết lấy một thiên đặt lên đầu sách - thiên có tính cách như là một *tự tựa* hay một *lời giới thiệu* kiểu “*cùng bạn đọc*” mà ta thường thấy ở đầu các cuốn sách ngày nay. Có thể vào lúc viết từng thiên cụ thể, Phạm Đình Hồ quả cũng đã nghĩ tới những “*thể thức*” văn chương từng có - tiểu truyện/truyện ký/phả ký/liệt truyện/truyện kỳ/thi thoại/du ký/bút ký/tự thuật/biên khảo. Và cũng có thể là vào lúc viết xong mỗi thiên, tác giả từng có viết vài dòng “*lạc khoản*” ghi lại thời gian và nơi chốn viết bài. Nhưng rồi tới lúc gom biên thành sách, những chỗ đó đã được lược đi. Hệ quả là ngày nay lướt nhìn mục lục hay giờ nhanh một lượt toàn sách, ta thấy tính cách “*ngẫu lục*”, “*tùy bút*” của tập sách nổi lên rất rõ. Những người ưa “*hệ thống hóa*” hay “*kết cấu chặt chẽ*” có thể phàn nàn về việc đó. Trong lúc cũng có người để mình trong tư thái ngày mưa nhàn rồi tùy lặt ngẫu nhiên dăm ba thiên sách này lại cảm thấy không ít điều thú vị.

⁸ Nguyên văn: “甫平日好古乃於公暇以己所素聞及求諸博識凡有所得輒據事直書彙以成篇” (*Phủ bình nhật hiếu cổ, nãi ư công hạ dĩ kỷ sở tố văn, cập câu chư bác thức, phàm hữu sở đắc triếp cứ sự trực thư, vạng dĩ thành thiên*). Văn bản *Công dư tiếp ký* bản lưu Thư viện Quốc gia, ký hiệu R229. NLVNPF - 0744.

Trên ta đã nói “tùy bút” ở cuốn “Vũ Trung” này cũng là một lối “mạn bút”. Tác giả đã *mạn bút* thì độc giả cũng chẳng ngại chọn cách “mạn đọc” (漫讀, *random reading*) lan man và tùy hứng. Thực tế ta đều thấy chuỗi tiếp nối các thiên không xếp theo nhóm đề tài hay thể cách văn bản nhất định nơi *Vũ trung tùy bút* quả cũng là một cách đưa người đọc theo chân một cái tôi tác giả tự sự dạo bước giữa dặm dài cuộc thế với bao Người - Việc - Cảnh. Ta đã biết kỹ thuật montage (剪辑) của điện ảnh giúp ích rất nhiều cho nhà làm phim. Các độc giả cũng chẳng ngại dùng kỹ xảo ấy để “cắt ghép” kết nối các thiên trong *Vũ trung tùy bút* khi đọc nó. Có thể nói, *Vũ trung Tùy bút* do tính cách “tùy-bút” trong từng thiên cũng như tính cách “ngẫu-biên” trên toàn sách yêu cầu ta không nên chỉ đọc theo cách thông thường từ trước ra sau. Ta hoàn toàn có thể tùy lật ngẫu nhiên các thiên hoặc bám vào một “tù khóa” cần quan tâm để đọc các thiên trong sách này theo cách nối ghép, đối chiếu với nhau (thực tế là chỉ khi ta đọc cuốn sách - tác phẩm như chính ta là người đang định hay muốn viết ra nó thì ta mới có thể đọc ra nhiều điều thú vị). Hai thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày *Vũ trung tùy bút* thành sách. Khi đó các khoa văn học sử, lý luận văn học chưa ra đời và các cụ như Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án hay Đặng Trần Côn (鄧陳琨), Vũ Phương Đề giờ đây nếu còn chắc hẳn sẽ lấy làm bỡ ngỡ trước việc người đời nay soạn môn lý luận văn học xếp loại phân biệt thể tài “tùy bút” và “tạp văn”, “bút ký” và “ký sự”.

Mặc dù vậy, một khi lý luận văn học đã định hình khái niệm “tùy bút” thì việc dùng cái *ý thức thể loại* này soi chiếu vào *Vũ trung tùy bút* cũng không phải là không giúp ích cho ta hiểu thêm về tác phẩm này. “Tùy bút” trong tiếng Hán ngày nay có lúc được gọi là “tạp văn” (雜文) - một nhánh của văn xuôi nói chung. “Văn xuôi” tiếng Hán gọi là “tản văn” (散文 cũng tức là “văn bạch thoại” 白話文 prose/essay, ở ta có cách gọi “tản văn” nhưng như là một thể loại của văn xuôi bao gồm các thể nhỏ như *tùy bút*, *bút ký*, *tạp bút*...)⁹. Bên cạnh “tản văn”, văn học Trung Hoa có “vận văn” (韻文 văn vần), “văn biên ngẫu” (駢文 tức “văn tứ lục”, *Vũ trung tùy bút* có một thiên bàn về thể văn này) có vần và đối ngẫu. Gọi là “tản” ấy là đang đối lập với thi ca có niêm luật, kết vần (*Vũ trung tùy bút* cũng có một thiên bàn về “thể thơ”).

Trong tiếng Việt, “văn xuôi” phương ngữ có người nói thành “văn xuôi”. Gặp những khi không muốn trình bày thành bài văn viết theo thể thức nhất định, người ta cũng hay bảo “cứ nói xuôi/nói nôm ra”. Loại văn viết lại *lời nói xuôi* ra đó trong Hán ngữ gọi là “văn bạch thoại” (“thoại” là nói, “văn bạch thoại” ấy cũng chính là “văn viết lại lời nói xuôi ra” vậy). Hiểu văn xuôi bạch thoại là loại văn *nói thế nào viết thế ấy* (我手寫我口)¹⁰ thì Trung Quốc phải đến thời Ngũ Tứ (1919) mới thực sự có một nền văn xuôi thực sự “bạch thoại”. Cõi đặc tính “nói thế nào viết thế ấy” là đặc tính của văn xuôi hiện đại thì phải đến những thập niên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX với các tác phẩm văn xuôi chữ Quốc ngữ, Việt Nam ta mới có nền văn xuôi hiện đại. Tất nhiên, ta không quên, *Vũ trung Tùy bút* viết bằng chữ Hán. Và ta có thể gọi đó là một tác phẩm văn xuôi Việt Nam trung đại. Trong trường hợp *Vũ trung tùy bút*, gọi là “văn xuôi” chỉ để đối lập với “vận văn” chứ không hàm ý cho đó là “văn bạch thoại” thực sự. Nói chính xác, *Vũ trung Tùy bút* được viết bằng một thứ văn ngôn theo lối tản văn đậm đà sắc thái tùy

⁹ Cả hai từ “tạp văn” và “tạp bút” cũng được dùng trong tiếng Việt. Ví dụ: Phan Khôi dịch, *Tuyển tập tạp văn Lỗ Tấn hay Vương Hồng Sển, Tạp bút năm Nhâm Thân 1992*.

¹⁰ Câu trong chùm thơ *Tạp Cảm* của Hoàng Tôn Hiến – một trong những người khởi xướng văn bạch thoại tại Trung Hoa đầu thế kỉ XX (黃遵憲 1848 - 1905) 《雜感五首之一》).

bút. Ngày nay “tùy bút” đã thành tên gọi một thể loại văn chương. Trong nền văn xuôi hiện đại, “tùy bút” được xem là một thể tài gồm trong nó cả ba yếu tố thuật kể, nghị luận thuyết minh, trữ tình biểu cảm. Nếu hiểu như thế thì cũng chẳng có gì là không hợp khi gọi *Vũ trung Tùy bút* là một tập tùy bút hoặc bút ký. Điều đặc biệt chính là ở chỗ tác phẩm này rất đậm đà sắc thái trữ tình. Chính sự quán xuyên từ đầu đến cuối của hình tượng một cái tôi tác giả cầm bút *thuật sự - cảm hoài* đã đưa đến cho tập bút ký này một sắc thái trữ tình đặc biệt. Dù không ít thiên có dáng dấp truyện *truyền kỳ*, cũng không ít thiên xứng danh *khảo cứu* nhưng thấp thoáng giữa hàng hàng câu chữ vẫn là bóng dáng của một cái tôi chép chuyện tai nghe mắt thấy, chuyện lưu truyền sử sách, giải bày tâm nguyện riêng tư và tâm lòng ưu thời mẫn thế!

Chính hình tượng cái tôi cầm bút ghi chép *chuyện thực* đó đã ngầm hẹn với ta một cách đọc riêng đối tác phẩm. Tác giả thiên bút ký chia sẻ những điều thuật kể với người đọc như cách mà người đọc chia sẻ những nỗi niềm xúc cảm trong thơ với một nhà thơ. Mở đọc một thiên bút ký là ta đã ở vào một tư thái đọc hiểu khác với lúc ta đến với tự sự truyện ngắn hay tiểu thuyết - nơi mà tác giả tên đề ngoài bìa giữ một “khoảng cách” với hình tượng cái tôi trần thuật trong truyện, kể đang thao thao thuật kể về mọi việc nhưng không hề để ý chuyện nhắm tới một hiện thực ngoại tại xác chỉ (definite) có thể kiểm chứng hay tâm tư của cá nhân có thực ngoài đời.¹¹ Hãy tưởng tượng trong êm đềm một sáng vắng bên song, lần giở những trang văn của Phạm Đình Hồ và thấy Người - Việc - Cảnh trong tác phẩm này hiện lên như những thước phim... Đó chính là lúc ta sẽ cảm thấy một cách tự nhiên nhất chân ý của hai chữ “tùy bút” trong nhan đề cuốn sách - một kết tập của những áng văn viết giữa đời dẫu bề.

3. KẾT LUẬN

Gác qua một bên câu chuyện xác định thể tài, phân tích kết cấu tác phẩm phiên phức nói trên, ta không ngại hình dung *Vũ trung Tùy bút* (cũng như *Tang thương Ngẫu lục* hay phần lớn các tác phẩm văn xuôi thời Trung đại nói chung) như là kết quả của hoạt động gọi chung là viết văn (sáng tác) làm sách (trước tác 著作/专著 *writing works*) - một phần sinh hoạt của một nhà Nho, bậc danh sĩ thời Lê mạt Nguyễn sơ - kẻ tự nhận mình là người hiếu cổ, thường cảm khái trước cảnh đời dẫu bề, thế cuộc thăng trầm, muốn lưu lại cho sau này hình bóng đương thời trên trang viết và nhân đó để “*được lấy văn thơ nổi tiếng ở đời*” (xem thiên *Tự thuật* (自述) có tính cách như là một *hồi ức tùy tưởng lục* để đầu sách).

Thực ra, nói tiền nhân nổi tiếng với hậu thế chẳng bằng nói hậu thế còn biết tới ông cha và văn hóa nước nhà. Khi thăm lại người xưa qua trang sách một mình ngồi đọc trước song hôm sớm (*Độc điếu song tiền nhất chỉ thư* - Nguyễn Du)¹² hay cảo thơm lạng giở trước đèn canh khuya, nhắc tên những con người tên đề bìa sách (tác giả 作者/笔者 *penman*) đó thì họ đã thân hòa vào đất thắm quê hương tự lâu rồi. Đọc lại tiền nhân ấy chẳng phải làm cho họ vang lừng

¹¹ Cổ Hán văn có ba đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất *du*, *ngô*, *ngã* (余, 吾, 我). Phạm Đình Hồ sử dụng tùy theo văn cảnh một trong ba đại từ đó khi thuật kể. Bản dịch Việt văn *Vũ trung Tùy bút* của Nguyễn Hữu Tiến đành nhất loạt dịch là “ta” (*Tang thương Ngẫu lục* bản dịch Đạm Nguyên dùng đại từ “tôi”). Nói chung trong truyện ký khi tự sự xưng “tôi” để thuật kể thì hình tượng cái tôi chủ thể trần thuật hiện lên một cách trực tiếp.

¹² Nguyên văn: “獨吊窗前一紙書” trong bài *Độc Tiểu Thanh ký* (讀小青記), dẫn từ *Nguyễn Du toàn tập*, tập 2, Nxb Văn học, tr.247.

danh tiếng mà có khi chỉ là một dịp viếng họ giữa một ngày mưa, nhìn cuộc thể tang thương để chung lòng cảm khái!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đình Hồ (1989). *Vũ trung tùy bút* (Đông Châu Nguyễn Hữu Tiên dịch), Nxb. Trẻ.
2. Phạm Đình Hồ, Nguyễn Án (1962). *Tang thương ngẫu lục* (Đạm Nguyên dịch). Nxb. Bộ Quốc gia Giáo dục.
3. Trần Kim Anh (1995). Cuộc đời Phạm Đình Hồ và đôi điều về tác phẩm của ông. *Thông báo Hán Nôm học*, tr.20.
4. Nguyễn Đăng Na (2001). *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời Trung đại* (tr.349). Nxb. Giáo dục.

“WRITING IN THE RAIN” BY PHAM DINH HO - THE PROCESS OF MAKING A BOOK AND ITS GENRE CHARACTERISTICS

Abstract: *The article states that work “Writing in The rain” by Pham Dinh Ho (Vu trung Tuy but) is a collection of essays written over the years, eventually brought together under a common title and published as a “book”. This work is a collection of essays, including three elements: narrative, discussion, research and lyrical expression. This is what makes the genre special for this work.*

Keywords: *“Writing in The rain”, collection of essays, narrative, discussion, research and lyrical expression.*